SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Lai châu; 23/09/2022 10:30:07

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1723 /QĐ-UBND	*Thành phố Lai Châu, ngày 23 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, TĐC bổ sung lần 1 dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với đại lộ Lê Lợi

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/201/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận

quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện Thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 ; số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại lộ Lê Lợi;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại lộ Lê Lợi;

Căn cứ Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND thành phố Lai Châu về phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất cho 02 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 763/TTr-TNMT ngày 23/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại lộ Lê Lợi, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **1.268.131.800 đồng**.

(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu một trăm ba mươi mốt nghìn tám trăm đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	**1.268.131.800 đồng**.
+ Về đất:	289.632.300 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	1.168.200 đồng
+ Về cây cối, hoa màu:	225.739.200 đồng

+ Về chính sách hỗ trợ 751.592.100 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã Sùng Phài; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Xiêng

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ

Dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại lộ Lê Lợi

(Kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 23/ 9 /2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*	
A	**Tổng cộng**				**1,268,131,800**	
I	**Chi trả cho chủ sở hữu**				**1,268,131,800**	
1	*Đất*				289,632,300	
2	*Tài sản*				1,168,200	
3	*Hoa màu*				225,739,200	
4	*Chính sách hỗ trợ*				751,592,100	
B	**Chi tiết cho các hộ dân**				**1,268,131,800**	
	XÃ SÙNG PHÀI					
1	**Hộ gia đình: Hàng Mạnh Chỉnh (tên thường gọi Hàng A Bút)**					
	Địa chỉ thường trú: bản Cư Nhà La - xã Sùng Phài					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**57,866,000**	
a	**Về đất**				**12,117,500**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	327.5			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m^2	327.5	37,000	12,117,500	
	Vị trí: 1, khu vực 1					
	Nguồn gốc: Thửa đất 161, TBĐ 86 quy chủ cho ông Hàng Mạnh Chỉnh có nguồn gốc nhận chuyển nhượng năm 2006 của bà Xuyên không có giấy tờ, bà Xuyên nhận giao khoán của nông trường chè Tam Đường năm 1999, ông Chỉnh sử dụng ổn định, không có tranh chấp					
b	**Về cây cối hoa mầu**				**9,396,000**	
1	Cây ổi trồng hạt năm thứ 2	Cây	6.0	66,000	396,000	
2	Sản lượng chè 300 m2 * 25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	1500.0	6,000	9,000,000	
c	**Về chính sách hỗ trợ**				**36,352,500**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m^2	327.5	111,000	36,352,500	
2	**Hộ gia đình: Hồ Thị Xuân**					
	Địa chỉ thường trú: tổ 1, Phường Tân Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**187,145,900**	
a	**Về đất**				**39,201,500**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	1059.5			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m^2	1059.5	37,000	39,201,500	
	Vị trí: 1, khu vực 1					
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CS 142334 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 12/12/2019 cho bà Hồ Thị Xuân. - Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.					
b	**Về tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên phần diện tích thu hồi do bà Hồ Thị Xuân tạo lập năm 2014. Trước khi có quy hoạch sử dụng đất của dự án không bị lập biên bản xử phạt hành chính, sử dụng đất đúng mục đích nông nghiệp. Sử dụng ổn định, không tranh chấp. Bồi thường, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường tại điểm c, khoản 7 điều 21, QĐ 16/2020/QĐ-UBND)**				**339,900**	
	Bóc tách hố nước					

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*	
1	Láng VXM dày 3cm (4*1)	m^2	4.0	39,600	158,400	
2	Hố đào đất (1*1*1)	m^2	1.0	82,500	82,500	
3	Đáy láng VXM dày 3cm (1*2,5)	m^2	2.5	39,600	99,000	
c	**Về cây cối hoa mầu**				**30,000,000**	
1	Sản lượng chè 1000 m2 * 25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	5000.0	6,000	30,000,000	
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**117,604,500**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác)	m^2	1059.5	111,000	117,604,500	
3	**Hộ gia đình: Nguyễn Minh Quyết ủy quyền cho Nguyễn Duy Trung (0989.685.899)**					
	Địa chỉ thường trú: Thôn Thọ Tiến, xã Minh Phú, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**111,924,800**	
a	**Về đất**				**23,406,200**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	632.6			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m^2	632.6	37,000	23,406,200	
	Vị trí: 1, khu vực 1					
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BQ 261688 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 06/3/2017 cho ông Nguyễn Minh Quyết và bà Nguyễn Thị Nhạn. Đối chiếu với bản đồ chồng lấn diện tích 4,3 m2 lên thửa 81, TBĐ 86, đang quy chủ ông Mai Văn Quyền và chồng lấn thửa 89, TBĐ 86 diện tích 29,2 m2, và diện tích 232,4 m2 thuộc thửa 148, TBĐ 86 chồng lấn lên đường giao thông. Ông Nguyễn Minh Quyết sử dụng đất ổn định, không tranh chấp. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm.					
c	**Về cây cối hoa mầu**				**18,300,000**	
1	Sản lượng chè 600 m2 * 25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	3000	6,000	18,000,000	
2	Cây lấy gỗ D= 5-10cm	Cây	10	30,000	300,000	
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**70,218,600**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m^2	632.6	111,000	70,218,600	
4	**Hộ gia đình: Trần Thị Như Trang**					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 10, phường Tân Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**13,629,400**	
a	**Về đất**				**7,629,400**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	206.2			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m^2	206.2	37,000	7,629,400	
	Vị trí: 1, khu vực 1					
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 490409 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 22/4/2016 cho ông Nguyễn Văn Tú và bà Trần Thị Như Trang. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp. - Theo bản đồ địa chính thửa 136, TBĐ 86 chồng lấn lên đất giao thông do UBND xã quản lý. Nguyên nhân trong quá trình đo đạc bản đồ có sự sai số. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.					

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*	
c	**Về cây cối hoa mầu**				**6,000,000**	
1	Sản lượng chè 200 m2 * 25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	1000.0	6,000	6,000,000	
5	**Hộ gia đình: Nguyễn Văn Tới**					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 15 phường Tân Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**150,374,400**	
a	**Về đất**				**31,368,600**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	847.8			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m^2	847.8	37,000	31,368,600	
	Vị trí: 1, khu vực 1					
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BV 439146 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 20/10/2017 cho ông Vũ Đức Tính và bà Nguyễn Thị Hải. Ngày 02/6/2020 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Tới và bà Trần Thị Nga theo hồ sơ số 000804.CN.001 - Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Gia đình ông Nguyễn Văn Tới sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.					
c	**Về cây cối hoa mầu**				**24,900,000**	
1	Sản lượng chè 830 m2 * 25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	4150.0	6,000	24,900,000	
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**94,105,800**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m^2	847.8	111,000	94,105,800	
6	**Hộ gia đình: Phạm Thị Cúc**					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 15 phường Tân Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**6,996,400**	
a	**Về đất**				**1,513,300**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	40.9			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m^2	40.9	37,000	1,513,300	
	Vị trí: 1, khu vực 1					
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BR 709571 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 31/12/2014 cho hộ bà Phạm Thị Cúc. - Theo bản đồ địa chính thửa 154, TBĐ 86 chồng lấn lên đất giao thông do UBND xã quản lý. Nguyên nhân trong quá trình đo đạc bản đồ có sự sai số. - Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Gia đình bà Phạm Thị Cúc sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.					
c	**Về cây cối hoa mầu**				**943,200**	
1	Hàng rào cây sống	m	6	7,200	43,200	
2	Sản lượng chè 30 m2 *25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	150.00	6,000	900,000	
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**4,539,900**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m^2	40.9	111,000	4,539,900	
7	**Hộ gia đình: Trần thị Xứng**					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 15 phường Tân Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**398,742,400**	
a	**Về đất**				**83,020,600**	
1	Diện tích thu hồi		2,243.8			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm		2,243.8	37,000	83,020,600	

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*	
	Vị trí: 1, khu vực 1					
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BR 709569 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 31/12/2014 cho hộ bà Trần Thị Xứng. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Gia đình bà Trần Thị Xứng sử dụng ổn định không tranh chấp.					
c	**Về cây cối hoa mầu**				**66,660,000**	
1	Sản lượng chè 2222 m2 * 25 tấn/ha/năm * 2 năm	Kg	11110.0	6,000	66,660,000	
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**249,061,800**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m^2	2,243.8	111,000	249,061,800	
8	**Hộ gia đình: Phạm Văn Khương**					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 23 phường Đông Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**61,896,400**	
a	**Về đất**				**12,924,100**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	349.3			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m^2	349.3	37,000	12,924,100	
	Vị trí: 1, khu vực 1					
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BR 709982 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 29/6/2016 cho hộ bà Nguyễn Thị Hiền. Ngày 01/11/2019 chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Khương theo hồ sơ 00771.CN.001 Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.					
c	**Về cây cối hoa mầu**				**10,200,000**	
1	Sản lượng chè 340 m2 * 25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	1700.0	6,000	10,200,000	
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**38,772,300**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m^2	349.3	111,000	38,772,300	
9	**Hộ gia đình: Đỗ Thanh Hồng**					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 5 phường Tân Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**166,887,500**	
a	**Về đất**				**35,072,300**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	947.9			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu ănm	m^2	947.9	37,000	35,072,300	
	Vị trí: 1, khu vực 1					
	Nguồn gốc: - Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 490577 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 27/01/2016 cho ông Nguyễn Thanh Hồng và bà Trương Thị Diệu Khánh. - Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Gia đình ông Đỗ Thanh Hồng sử dụng ổn định không tranh chấp.					
b	**Về tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất thu hồi do ông Đỗ Thanh Hồng tạo lập năm 2016. Trước khi có quy hoạch sử dụng đất của dự án không bị lập biên bản xử lý vi phạm hành chính, sử dụng đúng mục đích. Sử dụng ổn định không tranh chấp. Bồi thường, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường tại điểm c, khoản 7 điều 21, QĐ 16/2020/QĐ-UBND)**				**828,300**	
	Bóc tách hố phân					

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*	
1	Trát vữa xi măng không đánh màu (5*1,5)*2	m^2	15.0	27,500	412,500	
2	Láng VXM dày 3cm (1,5*1)*2	m^2	3.0	39,600	118,800	
3	Hố đào đất (1,5*1,2*1)*2	m3	3.6	82,500	297,000	
c	**Về cây cối hoa mầu**				**25,770,000**	
1	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 3	cây	10.0	132,000	1,320,000	
2	Cây lấy gỗ D 5-10	Cây	15	30,000	450,000	
3	Sản lượng chè 800 m2 * 25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	4000.0	6,000	24,000,000	
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**105,216,900**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m^2	947.9	111,000	105,216,900	
10	**Hộ gia đình: Nguyễn Văn Bằng**					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 5 phường Tân Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**40,654,800**	
a	**Về đất**				**8,513,700**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	230.1			
2	Loại đất:					
2.2	Đất trồng cây lâu năm	m^2	230.1	37,000	8,513,700	
	Vị trí: 1, khu vực 1					
	Nguồn gốc: - Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BR 728509 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 31/12/214 cho hộ ông Nguyễn Văn Bằng. - Đối chiếu với bản đồ địa chính một phần diện tích 140,2 m2 thửa số 65, TBĐ 86 đang chồng lấn lên đất giao thông do UBND xã quản lý. Nguyên nhân là do đo đạc không đúng ranh giới, đo đạc chưa chính xác, sai số trong quá trình đo đạc. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.					
c	**Về cây cối hoa mầu**				**6,600,000**	
1	Sản lượng chè 220 m2 * 2,5 tấn/ha/năm *2 năm	kg	1100.0	6,000	6,600,000	
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**25,541,100**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất lâu năm)	m^2	230.1	111,000	25,541,100	
11	**Hộ gia đình: Trần Thế Hưng (Đào Thị Vân)**					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 5 phường Tân Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**15,350,000**	
a	**Về đất**				**3,237,500**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	87.5			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m^2	87.5	37,000	3,237,500	
	Vị trí: 1, khu vực 1,					
	Nguồn gốc: - Được xí nghiệp chè Tam Đường hợp đồng giao khoán đất đã trồng cây lâu năm theo nghịu định số 01/CP ngày 26/03/1996 cho bà Nguyễn Thị Quý (Bà Nguyễn Thị Quý chuyển nhượng cho ông Trần Thế Hưng không có giấy tờ năm 2001. - Đối chiếu giữa bản đồ trích đo địa chính thu hồi GPMB toàn bộ diện tích thu hồi 87,5 m2 thuộc thửa số 79, TBĐ 86 và một phần thửa đất số 70, TBĐ 86 (bản đồ địa chính) chưa được quy chủ cho ai, thực tế là của gia đình bà Nguyễn Thị Quý đã chuyển nhượng cho ông Trần Thế Hưng sử dụng đất ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm đất. - Hiện trạng đang sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (đất chè) sử dụng đất ổn định, không tranh chấp					

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*	
c	**Về cây cối hoa mầu**				**2,400,000**	
1	Sản lượng chè 80 m2 * 25 tấn/ha/năm *2 năm	kg	400	6,000	2,400,000	
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**9,712,500**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m^2	87.5	111,000	9,712,500	
12	**Hộ gia đình: Đặng Thị Tho**					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 5 phường Tân Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**52,622,300**	
a	**Về đất**				**29,522,300**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	797.9			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m^2	797.9	37,000	29,522,300	
	Vị trí: 1, khu vực 1,					
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BR 728523, BR 728524 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 31/12/2014 cho bà Đặng Thị Tho. - Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Gia đình bà Đặng Thị Tho sử dụng ổn định không tranh chấp.					
c	**Về cây cối hoa mầu**				**23,100,000**	
1	Sản lượng chè 770 m2 * 25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	3850	6,000	23,100,000	
13	**Hộ gia đình: Hoàng Thị Phơn**					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 5 phường Tân Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**3,299,900**	
a	**Về đất**				**1,949,900**	
1	Diện tích thu hồi		52.7			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m^2	52.7	37,000	1,949,900	
	Vị trí: 1, khu vực 1,					
	Nguồn gốc:- Được xí nghiệp chè Tam Đường hợp đồng giao khoán đất đã trồng cây lâu năm theo nghịu định số 56A/5/HĐ theo nghị định 01/CP ngày 20/06/2000 cho ông Bùi Văn Dịu (ông Bùi Văn Dịu chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị phơn không có giấy tờ năm 2002). - Đối chiếu giữa bản đồ trích đo địa chính thu hồi GPMB toàn bộ diện tích thu hồi 57,2 m2 thuộc thửa số 70, TBĐ 86 (bản đồ địa chính) chưa được quy chủ cho ai, thực tế là của gia đình ông Bùi Văn Dịu đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị Phơn sử dụng đất ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm đất - Hiện trạng đang sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (đất chè)					
c	**Về cây cối hoa mầu**				**1,350,000**	
1	Sản lượng chè 45 m2 * 25 tấn/ha/năm * 2 năm	Kg	225.0	6,000	1,350,000	
14	**Hộ gai đình: Vũ Thị Ngân**					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 8, phường Tân Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**741,600**	
a	**Về đất**				**155,400**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	4.2			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m^2	4.2	37,000	155,400	
	Vị trí: 1, khu vực 1					

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*	
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 490253 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 30/10/2015 cho ông Nguyễn Văn Thanh và bà Vũ Thị Ngân. - Hiện trạng bà Ngân đang sử dụng vào mục đích: Đất trồng cây lâu năm (đất chè); sử dụng ổn định, không tranh chấp.					
c	**Về cây cối hoa mầu**				**120,000**	
1	Sản lượng chè 4,0 m2 * 25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	20	6,000	120,000	
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**466,200**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m^2	4.2	111,000	466,200	